| | |
|---|---|
| **TOÀ ÁN NHÂN DÂN**<br>**THỊ XÃ CHÍ LINH**<br>**TỈNH HẢI DƯƠNG** | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Bản án số: 34/2017/HNGĐ- ST<br>Ngày: 20/12/2017<br>"V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn" | |

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ CHÍ LINH, TỈNH HẢI DƯƠNG**

***- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà:* Ông Nguyễn Ngọc Hà

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Phạm Phúc Ân.

2. Ông Nguyễn Văn Bạn.

***- Thư ký phiên toà:*** Bà Đào Thị Hậu - Thư ký Toà án nhân dân thị xã Chí Linh, tỉnh Hải Dương.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Chí Linh, tỉnh Hải Dương tham gia phiên toà:*** Ông Nguyễn Như Sáng - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 12 năm 2017, tại trụ sở TAND thị xã Chí Linh, tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 339/2017/TLST - HNGĐ ngày 06 tháng 10 năm 2017 về ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 38/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 11 năm 2017, Quyết định hoãn phiên tòa số: 27/2017/QĐST-HNGĐ ngày 28 tháng 11 năm 2017, Thông báo về thời gian, địa điểm mở lại phiên tòa số: 07/TB-TA ngày 30 tháng 11 năm 2017 và Thông báo về việc thay đổi địa điểm xét xử số: 08 ngày 11 tháng 12 năm 2017 giữa các đương sự:

*1. Nguyên đơn:* Chị Lương Thị T, sinh năm 1989

Nơi ĐKHKTT: thôn G, xã H, thị xã C, tỉnh Hải Dương.

Nơi cư trú: thôn T, xã B, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ninh.

*2. Bị đơn:* Anh Hoàng Văn N, sinh năm 1982

Nơi cư trú: thôn G, xã H, thị xã C, tỉnh Hải Dương.

Chị T có mặt, anh N vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Tại đơn khởi kiện, các bản tự khai, biên bản hòa giải, nguyên đơn là chị Lương Thị T trình bày: Chị và anh N tự nguyện đăng ký kết hôn ngày 16/3/2009

tại UBND xã H, thị xã C. Anh chị chung sống hòa thuận đến giữa năm 2015 thì mâu thuẫn. Nguyên nhân chủ yếu do anh N nghi ngờ chị có quan hệ ngoại tình với người đàn ông khác nên vợ chồng hay cãi nhau. Từ việc nghi ngờ đó, anh N thường xuyên có hành vi xúc phạm, chửi bới và đánh chị khiến chị đã nhiều lần bỏ về quê sống nhưng sau đó được mọi người động viên nên chị lại quay về tiếp tục chung sống với anh N. Tuy nhiên tình trạng mâu thuẫn giữa anh chị không được cải thiện. Từ tháng 7/2017, chị đã về quê mẹ đẻ ở thị xã Đ, tỉnh Quảng Ninh sinh sống. Hiện nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị ly hôn anh N.

Về con chung: Anh chị có hai con chung là Hoàng Anh Đ, sinh ngày 02/12/2009 và Hoàng Thị Yến V, sinh ngày 11/8/2012. Từ khi vợ chồng không ở với nhau, các con chung của anh chị ở cùng anh N và bố mẹ đẻ anh N. Chị và anh N đã thống nhất nếu ly hôn sẽ giao cả hai con cho anh N trực tiếp nuôi dưỡng, chị có nghĩa vụ cấp dưỡng  tiền nuôi con mỗi con là 1.000.000 đồng/tháng, kể từ tháng 12 năm 2017 đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung: Chị T và anh N không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai, biên bản hòa giải, bị đơn là anh Hoàng Văn N xác định quá trình kết hôn và chung sống như nội dung chị  đã trình bày. Theo anh nguyên nhân mâu thuẫn của vợ chồng là do chị T có biểu hiện quan hệ ngoại tình. Anh đã biết và tha thứ nhiều lần nhưng chị T không thay đổi. Hiện nay chị T không chung sống cùng anh, anh đã nhiều lần tìm chị T nhưng chị T luôn tránh mặt. Anh thấy tình cảm vợ chồng vẫn còn nên không đồng ý ly hôn mà muốn vợ chồng đoàn tụ.

Về con chung: Anh N cũng xác định vợ chồng có hai con chung là Hoàng Anh Đ, sinh ngày 02/12/2009 và Hoàng Thị Yến V, sinh ngày 11/8/2012. Hiện các cháu đang ở với anh. Khi ly hôn anh nhất trí nhận nuôi dưỡng các con và yêu cầu chị T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi hai con chung mỗi con là 1.000.000đồng/tháng, kể từ tháng 12 năm 2017  đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung: Anh chị không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, anh N vắng mặt, chị T vẫn giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn anh N và nhất trí giao 2 con chung cho anh N nuôi dưỡng. Chị sẽ cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho anh N mỗi con 1.000.000 đồng/tháng, kể từ tháng 12 năm 2017 đến khi các con chung đủ 18 tuổi.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Chí Linh phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình

giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau: Áp dụng khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 và Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị T:

Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị T ly hôn anh N.

Về con chung: Giao hai con chung của vợ chồng cho anh N trực tiếp nuôi dưỡng, chị T có nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi hai con chung với anh N mỗi con là 1.000.000 đồng/tháng kể từ tháng 12 năm 2017 đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung: Không đặt ra giải quyết.

Về án phí: Chị T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm ly hôn và 300.000 đồng án phí giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng:

Chị Lương Thị T khởi kiện xin ly hôn, tranh chấp nuôi con chung với anh Hoàng Văn N có địa chỉ cư trú tại xã H, thị xã C nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Chí Linh theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Anh N đã được tống đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử và giấy triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt. Căn cứ theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Toà án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Về hôn nhân: Chị T và anh N kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đủ điều kiện kết hôn, có đăng ký kết hôn ngày 16/3/2009 tại UBND xã H, thị xã C nên quan hệ hôn nhân của anh chị là hợp pháp. Sau thời gian dài chung sống, đến năm 2015 anh chị nảy sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân chủ yếu do anh chị có bất đồng về quan điểm sống, anh N nghi ngờ chị T có quan hệ ngoại tình với người đàn ông khác nên vợ chồng thường xuyên cãi vã, xúc phạm và đánh nhau. Từ tháng 7/2017, chị T đã về quê mẹ đẻ sống cho đến nay. Mâu thuẫn giữa anh chị đã được gia đình hai bên nhiều lần hòa giải nhưng không được. Anh N không đồng ý ly hôn chị T nhưng không có biện pháp tích cực để cải thiện quan hệ vợ

chồng. Từ khi Tòa án thụ lý vụ án đến nay, vợ chồng vẫn sống ly thân và không còn quan tâm đến cuộc sống của nhau nữa. Như vậy hôn nhân của anh chị đã lâm vào trình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị T là phù hợp quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2]. Về con chung: Anh chị có hai con chung là Hoàng Anh Đ, sinh ngày 02/12/2009 và Hoàng Thị Yến V, sinh ngày 11/8/2012. Hiện cả hai con chung đều đang sống cùng anh N. Cháu Hoàng Anh Đ trên 7 tuổi đang học lớp 2 Trường tiểu học xã H, thị xã C có nguyện vọng ở cùng anh N. Cháu Hoàng Thị Yến V đang học mầm non tại xã Hoàng T, thị xã C. Việc học tập, sinh hoạt của các cháu ổn định. Quá trình chuẩn bị xét xử, chị T và anh N đã thống nhất nếu ly hôn sẽ giao cả hai con cho anh N trực tiếp nuôi dưỡng, chị T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi hai con chung với anh N, mỗi con là 1.000.000 đồng/tháng, kể từ tháng 12 năm 2017 đến khi con chung tròn 18 tuổi. Tại phiên tòa hôm nay chị T vẫn giữ nguyên quan điểm này nên cần giao 2 con chung cho anh N trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với điều kiện thực tế của anh chị, phù hợp nguyện vọng của con chung trên 07 tuổi, phù hợp quy định tại các Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.3]. Về tài sản chung: Anh chị không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

[2.4]. Về án phí: Chị T là nguyên đơn và có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn và án phí về việc cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

*Vì các lẽ trên,*

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, Điều 58, các Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 357 của Bộ luật dân sự; Điều 26 của Luật thi hành án dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lương Thị T, xử cho chị Lương Thị T được ly hôn anh Hoàng Văn N.

2. Về con chung: Giao hai con chung là Hoàng Anh Đ, sinh ngày 02/12/2009 và Hoàng Thị Yến V, sinh ngày 11/8/2012 cho anh N trực tiếp nuôi dưỡng. Chị T có nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi hai con chung cho anh N với mức cấp dưỡng cho mỗi con là 1.000.000 đồng/tháng. Thời gian cấp dưỡng kể từ tháng 12 năm 2017 đến khi các con chung đủ 18 tuổi. Chị T có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

Kể từ ngày anh N yêu cầu thi hành án, nếu chị T không thi hành số tiền nêu trên thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

3. Về tài sản chung: Không đặt ra giải quyết.

4. Về án phí: Chị Lương Thị T phải chịu 300.000đồng án phí dân sự sơ thẩm ly hôn và 300.000 đồng án phí về việc cấp dưỡng nuôi con chung. Đối trừ vào số tiền 300.000 đồng mà chị T đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu số AA/2016/0000208 ngày 06/10/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Chí Linh, tỉnh Hải Dương, chị T còn phải nộp 300.000đồng.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

*Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được Thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện Thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.*

***Nơi nhận:***
- VKSND thị xã Chí Linh;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS thị xã Chí Linh;
- UBND xã H, thị xã C;
- Lưu: Tòa án, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

**Nguyễn Ngọc Hà**